

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **259/2022/DS-PT**

Ngày: 26 – 12 – 2022

V/v: “Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Phi Kbuôr

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Văn Tú và bà Nguyễn Thị Thu Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa:**  
Ông Ngụ Văn Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 276/2022/TLPT-DS ngày 10/11/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đăk Lăk bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 333/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trương Thị Diễm K, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đăk, vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Mai Quốc A; địa chỉ: 121 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Phi L và bà Danh Thị D; cùng địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện B, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt.

**Người kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Ngọc O, địa chỉ: Tổ 8, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 11/01/2020, bà Trương Thị Diễm K và vợ chồng ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D có thỏa thuận xác lập một hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B, địa chỉ số 252, đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trong hợp đồng vay tiền thể hiện số tiền vay là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Tuy nhiên, bà Trương Thị Diễm K mới đưa cho ông Nguyễn Phi L và bà Danh Thị D số tiền vay 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) còn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) bà Trương Thị Diễm K chưa đưa.

Đến thời hạn trả nợ theo Hợp đồng vay tiền, mặc dù bà Trương Thị Diễm K đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Phi L và bà Danh Thị D thanh toán tiền nợ và lãi suất như hai bên đã cam kết. Tuy nhiên, ông L, bà D không trả cho bà Trương Thị Diễm K được khoản tiền nào.

Vì vậy, bà Trương Thị Diễm K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết và buộc ông Nguyễn Phi L và bà Danh Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Diễm K 550.000.000đ tiền vay gốc và tiền lãi suất 10%/năm kể từ ngày hai bên xác lập hợp đồng vay tiền (ngày 11/01/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tổng đạt (niêm yết) hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D đến Tòa án lập bản tự khai, phiên đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D đều vắng mặt không có lý do, không hợp tác với Tòa án về việc giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại bản án sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Khoản 1, khoản 2 Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Diễm K.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Diễm K tổng số tiền 697.369.000 đồng, trong đó tiền vay gốc 550.000.000 đồng và tiền lãi 147.369.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 07/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định kháng nghị số 1039/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; phía bị đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã niêm yết các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng không có mặt.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:**

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thay đổi nội dung kháng nghị theo hướng sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn là buộc vợ chồng ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Diễm K tổng số tiền 697.369.000 đồng, trong đó tiền vay gốc 550.000.000 đồng và tiền lãi 147.369.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trương Thị Diễm K là khi bị đơn ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D thanh toán đầy đủ số tiền nợ cho nguyên đơn bà Trương Thị Diễm K thì bà K phải trả lại cho ông L, bà D bản gốc 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm số D674840 mang tên ông Đinh Hoàng M và số CD 912257, AN 823245 mang tên ông Nguyễn Phi L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong hạn luật định nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc thay đổi nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Bà Trương Thị Diễm K khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Phi L và bà Danh Thị D trả số tiền 550.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà K cung cấp 01 Hợp đồng vay tiền giữa bên cho vay là bà Trương Thị Diễm K với bên vay là ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D; số tiền vay 600.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng; phương thức vay bằng tiền mặt, việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện; lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Hợp đồng được công chứng chứng thực vào ngày 11/01/2022 tại Văn phòng công chứng Đỗ Xuân B, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, bà K xác nhận mới chỉ đưa cho ông L, bà D số tiền 550.000.000 đồng là phù hợp với giấy vay tiền viết tay do nguyên đơn cung cấp có nội dung *“Hôm nay ngày 06/12/2019, tôi Nguyễn Ngọc Oánh có giao cho bà Trương Thị Diễm K 03 sổ đỏ gồm số D674840 mang tên Đinh Hoàng M và số CD 912257, AN 823245 mang tên Nguyễn Phi L để thế chấp vay số tiền 550.000.000 đồng”*; ở mục bên nhận có chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Ngọc O là bố và con là Nguyễn Phi L.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/7/2022 thể hiện: *“... Ngày 11/01/2020, Văn phòng Công chứng Đỗ Xuân B, tỉnh Đắk Lắk có công chứng hợp đồng vay tài sản giữa bà Trương Thị Diễm K, sinh năm 1971 với ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1990 và bà Danh Thị D, sinh năm 1996. Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Hợp đồng vay tài sản được công chứng và vào sổ số 000103, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Tại thời điểm công chứng của hợp đồng vay tài sản, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật...”*

Tại biên bản xác minh và biên bản làm việc ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn thể hiện: Cán bộ Tòa án cùng với đại diện chính quyền địa phương đã đến nhà ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D nhiều lần để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ... nhưng ông L, bà D vắng mặt nên cán bộ Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng kể cả Bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các nhân chứng là những người thuê nhà, hàng xóm gần nhà của ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D trình bày quá trình sinh sống tại địa phương có nhìn thấy ông L, bà D thỉnh thoảng về thăm nhà nên có biết việc ông bà đang bị khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn; chính ông L là người đã tháo

gỡ các văn bản tố tụng mà Tòa án đã niêm yết tại nhà ông L, bà D. Như vậy, bị đơn ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D nhận và biết được nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án là coi như từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, việc vay mượn tiền giữa các bên là tự nguyện, có trên thực tế; tại thời điểm lập hợp đồng vay các bên đều là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp pháp, có hiệu lực. Hết thời hạn trả nợ ghi trong hợp đồng nhưng bị đơn ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D không trả được khoản tiền nào cho nguyên đơn bà Trương Thị Diễm K là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên cũng không cần thiết giám định chữ ký của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D phải trả cho bà Trương Thị Diễm K số tiền vay 550.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất: Hợp đồng vay ngày 11/01/2022 thể hiện lãi suất do các bên thỏa thuận và không trái quy định của pháp luật. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không tham gia tố tụng nên thuộc trường hợp các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần lãi suất là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về tiền lãi suất trong giai đoạn thi hành án: Bản án sơ thẩm tuyên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là không đúng mà cần xác định lãi suất trong giai đoạn thi hành án được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong theo quy định tại Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần điều chỉnh cho đúng với quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.4] Tại Giấy viết tay ghi ngày 06/12/2019 có thể hiện nội dung bên vay là ông Nguyễn Ngọc O, con trai là Nguyễn Phi L có đưa cho bà Trương Thị Diễm K 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm số D674840 mang tên Đinh Hoàng M và số CD 912257, AN 823245 mang tên Nguyễn Phi L để làm tin, đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù nguyên đơn không đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nhưng tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn trình bày hiện nay bản gốc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do nguyên đơn lưu giữ và trong trường hợp bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo như Bản án sơ thẩm đã tuyên thì nguyên đơn tự nguyện trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Như vậy, xét thấy để giải quyết triệt để vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự thì cần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn là phù hợp.

[2.5] Từ những phân tích và nhận định trên, thì thấy việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk thay đổi nội dung kháng nghị là có căn cứ nên cần chấp nhận, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị số 1039/QĐKNPT-VKS-DS ngày 07/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Diễm K.

[1]. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Diễm K tổng số tiền 697.369.000 đồng, trong đó tiền vay gốc 550.000.000 đồng và tiền lãi 147.369.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trương Thị Diễm K khi bị đơn ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà Trương Thị Diễm K thì bà Trương Thị Diễm K phải trả lại cho ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D bản gốc 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm số D674840 mang tên Đinh Hoàng M và số CD 912257, AN 823245 mang tên Nguyễn Phi L.

[3]. Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Nguyễn Phi L, bà Danh Thị D phải chịu 31.894.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại bà Trương Thị Diễm K 17.620.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0002644 ngày 08/6/2022.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Y Phi Kbuôr**